HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN TÂN THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 64/NQ-HĐND	*Tân Thành, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN TÂN THÀNH, KHÓA II - KỲ HỌP LẦN THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính về quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ–HĐND, ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số 1004/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị trấn về dự toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thị trấn: 19 tỷ 922 triệu đồng. Trong đó: ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp: 19 tỷ 881 triệu đồng.

(*Kèm biểu mẫu số 02: Tổng hợp dự toán thu ngân sách thị trấn năm 2024).*

Scanned with CamScanner

2. Dự toán thu, chi ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 19 tỷ 881 triệu đồng, trong đó: Số thu được hưởng theo phân cấp: 703 triệu đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 18 tỷ 667 triệu đồng; Thu chuyển nguồn năm trước sang: 511 triệu đồng.

(Kèm biểu mẫu số 01: Biểu cân đối tổng hợp dự toán ngân sách thị trấn năm 2024).

Tổng chi ngân sách địa phương: 19 tỷ 881 triệu đồng. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 2 tỷ 023 tiệu đồng; Chi thường xuyên: 17 tỷ 468 triệu đồng; Chi dự phòng: 390 triệu đồng .

(Kèm biểu mẫu số 01: Biểu cân đối tổng hợp dự toán ngân sách thị trấn năm 2024).

3. Phân bổ dự toán ngân sách địa phương

- Tổng hợp dự toán chi ngân sách thị trấn năm 2024 (Biểu mẫu số 03)

- Dự toán chi đầu tư phát triển năm 2024 (Biểu mẫu số 04)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị trấn khóa II, kỳ họp lần thứ 11 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- ĐB. HĐND huyện (U/c trên địa bàn);
- Đảng ủy thị trấn;
- TT.HĐND, UBND thị trấn;
- Đại biểu HĐND thị trấn;
- Niêm yết công khai tại bảng thông tin;
- Lưu: VT.

CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND THỊ TRẤN

Nguyễn Lan Anh

Scanned with CamScanner

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2024

Đơn vị: đồng

Nội dung thu	dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	*19,881,000,000*	**Tổng số chi**	**19,881,000,000**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	*565,000,000*	**I. Chi đầu tư phát triển**	**2,023,000,000**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ [1]	*138,000,000*		
III. Thu bổ sung	**18,667,000,000**	**II. Chi thường xuyên**	**17,468,000,000**
- Bổ sung cân đối ngân sách	*16,644,000,000*		
- Bổ sung có mục tiêu	*2,023,000,000*	**III. Dự phòng**	**390,000,000**
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	**511,000,000**		

Scanned with CamScanner

Mẫu biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2024

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023		Dự toán 2024		So sánh %	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
Tổng thu	**23,712,328,932**	**23,161,728,932**	**19,922,000,000**	**19,881,000,000**	**84.02%**	**85.84%**
1. Các khoản thu 100%	**370,750,000**	**370,750,000**	**565,000,000**	**565,000,000**	**152.39%**	**152.39%**
- Phí, lệ phí	22,500,000	22,500,000	25,000,000	25,000,000	111.11%	111.11%
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			80,000,000	80,000,000		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp			-			
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	206,500,000	206,500,000	200,000,000	200,000,000	96.85%	96.85%
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định				0		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	141,750,000	141,750,000	250,000,000	250,000,000	176.37%	176.37%
- Thu khác		-	10,000,000	10,000,000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	**688,250,000**	**137,650,000**	**690,000,000**	**138,000,000**	**100.25%**	**100.25%**
1. Các khoản thu phân chia			690,000,000	138,000,000		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	76,750,000	15,350,000	90,000,000	18,000,000	117.26%	117.26%
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	611,500,000	122,300,000	600,000,000	120,000,000	98.12%	98.12%
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
-						
-						
...						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho (nếu						
IV. Thu chuyển nguồn	**5,501,486,092**	**5,501,486,092**	**511,000,000**	**511,000,000**	**9.29%**	**9.29%**
V. Thu kết dư ngân sách năm trước	**1,823,842,840**	**1,823,842,840**				
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**15,328,000,000**	**15,328,000,000**	**18,667,000,000**	**18,667,000,000**	**121.78%**	**121.78%**
- Bổ sung cân đối ngân sách	15,328,000,000	15,328,000,000	*16,644,000,000*	*16,644,000,000*	108.59%	108.59%
- Bổ sung có mục tiêu	-	-	*2,023,000,000*	*2,023,000,000*		

Scanned with CamScanner

Mẫu biểu số 03

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2024

Nội dung	Ước thực hiện năm 2023				Dự toán năm 2024				So sánh (%)			
	Tổng số	ĐTPT	TX	Chi chuyển nguồn	Tổng số	ĐTPT	TX	Chi chuyển nguồn	Tổng số	ĐTPT	TX	Chi chuyển nguồn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=6/2	11=7/3	12=8/4	13=9/5
Tổng số chi	**22,615,684,080**	-	**15,837,508,000**	**6,778,176,080**	**19,881,000,000**	**2,023,000,000**	**17,858,000,000**	-	**87.91%**		**112.76%**	**0.0%**
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	5,816,817,969		5,236,159,000	580,658,969	5,050,000,000		5,050,000,000	-	86.82%		96.44%	0.0%
- Chi dân quân tự vệ	3,825,718,609		3,490,859,000	334,859,609	2,850,000,000		2,850,000,000		74.50%		81.64%	0.0%
- Chi trật tự an toàn xã hội	1,991,099,360		1,745,300,000	245,799,360	2,200,000,000		2,200,000,000		110.49%		126.05%	0.0%
2. Chi giáo dục	95,000,000		95,000,000		100,000,000		100,000,000		105.26%		105.26%	
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		0		-		0					
4. Chi y tế	-		-		-		-					
5. Chi văn hóa, thông tin- Trung tâm VH Cộng đồng	868,958,096		776,000,000	92,958,096	250,000,000		250,000,000		28.77%		32.22%	0.0%
6. Chi phát thanh, truyền thanh	230,804,570		147,000,000	83,804,570	120,000,000		120,000,000		51.99%		81.63%	0.0%
7. Chi thể dục, thể thao	417,500,000		297,500,000	120,000,000	170,000,000		170,000,000		40.72%		57.14%	0.0%
8. Chi bảo vệ môi trường	-				-							
9. Chi các hoạt động kinh tế	737,240,000	-	737,240,000		2,303,000,000	2,023,000,000	280,000,000		312.38%		37.98%	
- Giao thông	397,240,000	-	397,240,000		2,173,000,000	2,023,000,000	150,000,000		547.02%		37.76%	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	50,000,000		50,000,000		30,000,000		30,000,000		60.00%		60.00%	
- Thị chính - Môi trường	140,000,000		140,000,000		100,000,000		100,000,000		71.43%		71.43%	
- Thương mại, du lịch	-		-		-		-					
- Các hoạt động kinh tế khác	150,000,000	-	150,000,000		-	-			0.00%		0.00%	
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	12,635,645,707		8,011,581,250	4,624,064,457	11,078,000,000		11,078,000,000	-	87.67%		138.27%	0.0%
Trong đó: Quỹ lương	-				-							
10.1. Quản lý Nhà nước	10,204,758,816		5,980,581,250	4,224,177,566	8,476,000,000		8,476,000,000		83.06%		141.73%	0.0%
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	708,878,730		668,000,000	40,878,730	880,000,000		880,000,000		124.14%		131.74%	0.0%
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	287,000,000		237,000,000	50,000,000	372,000,000		372,000,000		129.62%		156.96%	0.0%
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	277,000,000		225,000,000	52,000,000	340,000,000		340,000,000		122.74%		151.11%	0.0%
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	310,000,000		250,000,000	60,000,000	275,000,000		275,000,000		88.71%		110.00%	0.0%
10.6. Hội Cựu chiến binh	214,984,886		160,000,000	54,984,886	170,000,000		170,000,000		79.08%		106.25%	0.0%
10.7. Hội Nông dân	378,558,260		306,000,000	72,558,260	295,000,000		295,000,000		77.93%		96.41%	0.0%
10.8. Tổ chức XH khác (Hội chữ thập đỏ, người cao tuổi	254,465,015		185,000,000	69,465,015	270,000,000		270,000,000		106.10%		145.95%	0.0%
10.9. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	-		0		-		0					
11. Chi cho công tác xã hội	380,000,000		380,000,000		420,000,000		420,000,000		110.53%		110.53%	
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ	-		0		-		0					
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-		0		-		0					
- Trợ cấp xã hội	240,000,000		240,000,000		220,000,000		220,000,000		91.67%		91.67%	
- Khác	140,000,000		140,000,000		200,000,000		200,000,000		142.86%		142.86%	
12. Chi khác	-		-		-		-					
13. Dự phòng	157,027,750		157,027,750		390,000,000		390,000,000		248.36%		248.36%	
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau (từ 70% dự toán kinh phí trích từ kết dư ngân sách năm trước)	1,276,689,988			1,276,689,988	-				0.00%			0.0%

Scanned with CamScanner

Mẫu biểu số 04

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN[(1)] NĂM 2024

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		-		-	2,023,000,000		2,023,000,000	
1. Công trình chuyển tiếp		-		-	-		-	
					-	0	-	
2. Công trình khởi công mới		0		0	2,023,000,000		2,023,000,000	
Xây dựng công trình nhà tập kết rác thải thị trấn Tân Thành					2,023,000,000		2,023,000,000	
Trong đó: hoàn thành trong năm								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của cấp huyện

Scanned with CamScanner